

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

SAO Y

Bình Dương, Ngày 06 Tháng 7 Năm 2018



GIÁM ĐỐC

VI NGỌC ĐẠI

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 20
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vi Ngọc Đại Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Thị Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2018

10
GT
HH
CM
S
1-1

T.N.
HAN
VIÊN
HỢP
CÔNG
T-T.B

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương được lập ngày 02 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018



Phạm Minh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3666-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.644.261.783
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41.565.555.908
111 1. Tiền		14.520.153.604
112 2. Các khoản tương đương tiền		27.045.402.304
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.104.675.205
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.830.407.688
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		25.200.000
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	6	497.154.160
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(248.086.643)
140 IV. Hàng tồn kho	8	30.555.842.215
141 1. Hàng tồn kho		30.555.842.215
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		418.188.455
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	418.188.455
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.314.327.179
220 II. Tài sản cố định		11.815.522.075
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.583.575.418
222 - Nguyên giá		12.151.105.246
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(567.529.828)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	231.946.657
228 - Nguyên giá		242.663.325
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.716.668)
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	630.000.000
255 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		630.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		2.868.805.104
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.868.805.104
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		98.958.588.962

3702606
CỘNG
HẠCH NH
MỘT TH
IN TỐN
BÌNH
ĐẦU M

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN

31/12/2017

VND

300 C. NỢ PHẢI TRẢ		26.911.716.548
310 I. Nợ ngắn hạn		26.911.716.548
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	13.684.232.189
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	364.450.000
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	941.911.349
314 4. Phải trả người lao động		2.643.911.941
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.295.548.371
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.981.662.698
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.046.872.414
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	72.046.872.414
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.046.872.414
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		98.958.588.962



Lê Thị Ánh Tuyết

Q. Kế toán trưởng



Vi Ngọc Đại

Giám đốc

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2018

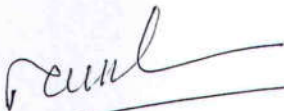
317-
TR
HÀ
T.MO.

317-
3 TY
M HOU
NH V
G HC
LƯON
T.T.B

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	35.501.893.556
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	338.623.230
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.163.270.326
11 4. Giá vốn hàng bán	20	27.744.195.100
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.419.075.226
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	550.520.938
22 7. Chi phí tài chính		-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-
25 8. Chi phí bán hàng	22	2.233.230.905
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.336.778.040
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.399.587.219
31 11. Thu nhập khác	24	95.621.450
32 12. Chi phí khác		669.300
40 13. Lợi nhuận khác		94.952.150
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.494.539.369
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	698.907.874
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>2.795.631.495</u>



Lê Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng



Vi Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2018

0111
 CÔNG
 NH
 16 KV
 AA
 KIẾ

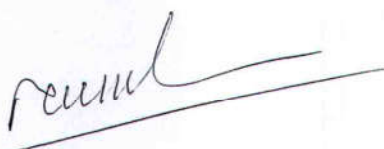
T.T.M.
 HAN
 EN
 P
 G
 NH DUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 1. Lợi nhuận trước thuế		3.494.539.369
2. Điều chỉnh cho các khoản		
02 - Khấu hao tài sản cố định		578.246.496
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(550.520.938)
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.522.264.927
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu		(4.303.968.668)
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho		(5.635.314.927)
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		12.118.486.859
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước		502.550.250
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.204.018.441
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.783.060.142)
23 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(630.000.000)
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		327.840.938
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.085.219.204)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		38.446.756.671
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		38.446.756.671
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		41.565.555.908
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	41.565.555.908


Lê Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng




Vi Ngọc Đại
Giám đốc
Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 72.046.872.414 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Do đây là kỳ kế toán năm đầu tiên nên kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 09/10/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị văn phòng
- Các tài sản khác
- Phần mềm quản lý

05 - 50 năm
03 - 20 năm
04 - 30 năm
05 - 10 năm
10 năm
05 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017
	VND
Tiền mặt	321.236.425
Tiền gửi ngân hàng	14.198.917.179
Các khoản tương đương tiền (*)	27.045.402.304
	41.565.555.908

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3 %/năm đến 5,5 %/năm.

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31/12/2017, đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 6,7 %/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017
	VND
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn	
- Công ty Cổ phần Bibica	4.575.107.020
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	2.385.887.625
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.869.413.043
	<u><u>10.830.407.688</u></u>

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	222.680.000	-
- Tạm ứng	70.400.000	-
- Bảo hiểm xã hội	90.545.999	-
- Bảo hiểm y tế	68.423.409	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.318.226	-
- Phải thu khác	33.786.526	-
	<u><u>497.154.160</u></u>	<u><u>-</u></u>

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Lê Tiến Mọii	8.150.000	-
- Công ty TNHH Bao bì Lạc Việt	13.601.843	-
- Công ty TNHH MTV Quảng cáo Hồng Ngọc	47.990.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Hồng Ngọc	33.650.000	-
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt	75.174.800	-
- Công ty Cổ phần Định vị Việt	69.520.000	-
	<u><u>248.086.643</u></u>	<u><u>-</u></u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	26.484.146.463	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.551.240.011	-
- Thành phẩm	520.455.741	-
	30.555.842.215	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý nhận góp vốn từ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương (Công ty mẹ) tại ngày 01/10/2017 và mua mới tại ngày 30/11/2017 với số tiền lần lượt là 97.663.325 VND và 145.000.000 VND. Giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 10.716.668 VND và 231.946.657 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017
	VND
a) Ngắn hạn	
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	60.897.738
- Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng máy in	348.232.873
- Chi phí khác	9.057.844
	418.188.455
b) Dài hạn	
- Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng máy in	2.868.805.104
	2.868.805.104

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND
Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn		
- Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tại TPHCM	5.598.380.080	5.598.380.080
- Công ty Cổ phần giấy Phụng Vinh Hưng	3.961.399.557	3.961.399.557
- Phải trả các đối tượng khác	4.124.452.552	4.124.452.552
	13.684.232.189	13.684.232.189

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017
	VND
Chi tiết theo đối tượng	
- Công ty TNHH TM - SX - DV Tân Vinh Cường	200.000.000
- Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Đắc Lắc	128.700.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	35.750.000
	364.450.000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017
	VND
- Chi phí hoa hồng	958.113.000
- Chi phí chăm sóc khách hàng	180.000.000
- Chi phí khác	157.435.371
	1.295.548.371

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017
	VND
- Phải trả Công ty mẹ tiền lãi hoạt động	7.981.662.698
	7.981.662.698

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	72.046.872.414	-	72.046.872.414
Lãi trong năm nay	-	2.795.631.495	2.795.631.495
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	(2.795.631.495)	(2.795.631.495)
Số dư cuối năm nay	72.046.872.414	-	72.046.872.414

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	Tỷ lệ
	VND	%
Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Bình Dương	72.046.872.414	100
	72.046.872.414	100

31/12/2017
CÔNG
HÀNH
S KIỂM
AAS
KIỂM

T.T.M.
HÀNH
KIỂM
HỌP
JUNG
T.B.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	298.916.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.202.977.465
	<u><u>35.501.893.556</u></u>

Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan xem chi tiết tại Thuyết minh 27.

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	338.623.230
	<u><u>338.623.230</u></u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	298.916.091
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.445.279.009
	<u><u>27.744.195.100</u></u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	550.520.938
	<u><u>550.520.938</u></u>

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.703.599
Chi phí nhân công	207.505.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.025.270
Chi phí hoa hồng	1.589.140.630
Chi phí khác bằng tiền	19.855.453
	<u><u>2.233.230.905</u></u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.942.010
Chi phí nhân công	1.618.380.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.077.181
Thuế, phí, và lệ phí	3.324.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.009.691
Chi phí khác bằng tiền	300.044.292
	2.336.778.040

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017
	VND
Bán phế liệu	69.643.885
Thu nhập khác	25.977.565
	95.621.450

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.494.539.369
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.494.539.369
Chi phí thuế TNDN hiện hành	698.907.874
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	698.907.874

26 . THÔNG TIN KHÁC

Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện cổ phần hóa. Theo đó việc cổ phần hóa của Công ty sẽ được thực hiện theo kế hoạch và hoàn thành trong năm 2018.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương Doanh thu cung cấp dịch vụ in vé số	Công ty mẹ	9.792.323.636

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

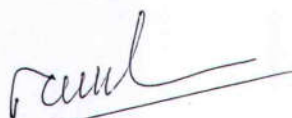
	Mối quan hệ	31/12/2017 VND
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương - Phải trả khác ngắn hạn	Công ty mẹ	7.981.662.698

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	186.758.998

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Do năm tài chính 2017 là năm tài chính đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.



Lê Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng



Vi Ngọc Đại
Giám đốc
Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong năm	2.965.843.316	7.082.143.363	950.607.059	92.195.854	1.060.315.654	12.151.105.246
- Nhận góp vốn	1.388.098.828	7.082.143.363	950.607.059	92.195.854	-	9.513.045.104
- Nhận điều chuyển	1.577.744.488	-	-	-	1.060.315.654	2.638.060.142
Số dư cuối năm	2.965.843.316	7.082.143.363	950.607.059	92.195.854	1.060.315.654	12.151.105.246
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong năm	76.944.278	447.882.612	36.059.982	6.073.200	569.756	567.529.828
- Khấu hao trong năm	76.944.278	447.882.612	36.059.982	6.073.200	569.756	567.529.828
Số dư cuối năm	76.944.278	447.882.612	36.059.982	6.073.200	569.756	567.529.828
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	2.888.899.038	6.634.260.751	914.547.077	86.122.654	1.059.745.898	11.583.575.418

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	451.016.984	577.563.115	-	126.546.131
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	698.907.874	-	698.907.874
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	38.279.690	154.737.034	-	116.457.344
	-	-	489.296.674	1.431.208.023	-	941.911.349

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

